

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày 12 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Sơn;

Ông Huỳnh Cao Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phúc Thịnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST - HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 03 năm 2021, đối với:

- Bị cáo: NGUYỄN VĂN T, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 10/10/1960 tại tỉnh Quảng Nam;

Nơi ĐKKHKT: Khối phố Xuân B, phường Trường X, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Xe ôm; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N (chết) và bà Huỳnh Thị Q (chết); bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H (sinh năm 1964), có 02 con, lớn nhất 32 tuổi, nhỏ nhất 28 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân bị cáo:

Năm 1977, bị Ty Công an Nghĩa Bình bắt tập trung giáo dục 15 tháng tù về tội sử dụng giấy tờ giả mạo. Bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử sơ thẩm phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 57/2000/HSST ngày

24/5/2000 (Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 33/2001/HSPT ngày 12/01/2001). Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 05/2008/HSST ngày 29/02/2008. Bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 24 tháng tù về “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 18/2010/HSST ngày 04/8/2010 và Bản án số 10/2010/HSPT ngày 27/10/2010. Bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 59/2016/HSST ngày 06/7/2016; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2016. Năm 2017, bị cáo bị Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử lý vi phạm hành chính, đã chấp hành xong.

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11 tháng 12 năm 2020 đến ngày xét xử.

Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Sao M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Đội 4, Tổ dân phố Vạn M, thị trấn Sông V, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Phú H, sinh năm 1988; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Trà L, xã Bình K, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; vắng mặt.

Địa chỉ: Khối phố Xuân B, phường Trường X, thành phố Tam K, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/12/2020, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 92B1 – 240.27 đi vào thị trấn Sông V, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe đi đến tiệm Spa Sao M. Thấy không có người bên trong, bị cáo để xe phía trước và đi bộ vào tiệm. Bị cáo quan sát thấy trên quầy lễ tân có 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng (Gold) (của chị Nguyễn Thị Sao M không có người trông coi. Bị cáo đến quầy lễ tân và dùng tay phải lấy điện

thoại di động bỏ vào túi quần phía sau bên phải rồi nhanh chóng ra bên ngoài, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92B1-240.27 tẩu thoát. Sau đó, bị cáo đến cửa hàng mua, bán điện thoại di động Phú H tại thị trấn C, huyện Bình S do anh Nguyễn Phú H (trú tại Khu phố 6, thị trấn C, huyện Bình S) làm chủ và bán lại cho anh H điện thoại di động vừa trộm cắp được số tiền 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo rời khỏi cửa hàng điện thoại di động Phú H khoảng 100m thì bị Cơ quan Công an phát hiện và mời về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tư Nghĩa kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 64G, màu vàng (Gold), số IMEI 353103103593310 tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị 13.592.000 đồng (*Mười ba triệu, năm trăm, chín mươi hai nghìn đồng*).

Về vật chứng và những người có liên quan đến vụ án: Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max đã trả lại tài sản trên cho chị Nguyễn Thị Sao Mai quản lý, sử dụng. Đối với số tiền 3.400.000 đồng (*ba triệu bốn trăm nghìn đồng*); cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H. Đối với 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 92B1-240.27, nhãn hiệu LIFAN, màu nâu; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang biển kiểm soát 92B1-240.27 mang tên Nguyễn T và 01 (một) chìa khóa xe, cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản trên cho anh N nhận quản lý, sử dụng. Đối với số tài sản gồm 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn T; Tiền mặt: 257.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng); 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh, hiệu ASIA; (một) mũ vải, có các màu đen-xanh-trắng; 01 (một) khẩu trang vải kiểu caro, màu xanh; 01 (một) áo khoác nam dài tay, màu đen; 01 (một) áo khoác sơ mi nam dài tay, màu xanh; 01 (một) quần tây nam, màu đen; 01 (một) đôi dép nam, màu đen; 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO A5s, màu đen; Cơ quan điều tra đã trả cho bị cáo Tuấn nhận.

Về vấn đề dân sự: Chị Nguyễn Thị Sao M, anh Nguyễn Phú H, anh Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 143/CT-VKS- TN ngày 02/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phát biểu phân tích tính chất của vụ án, giữ nguyên Quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Về phần dân sự, vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tranh luận tại phiên tòa: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định truy tố của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thể hiện: Sau khi quan sát thấy tiệm Spa Sao M không có người trông coi, bị cáo lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng (gold), số IMEI 353103103593310 của chị M bỏ vào túi quần phía sau bên phải rồi nhanh chóng ra bên ngoài và tẩu thoát. Tài sản bị cáo T chiếm đoạt có giá trị thành tiền tại thời điểm chiếm đoạt 13.592.000 đồng (*Mười ba triệu, năm trăm, chín mươi hai nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đối với bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an trên địa bàn. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng về nhân thân đã bị xử lý hành chính và xử phạt tù về tội đánh bạc, tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không ăn năn, hối cải mà lại tiếp tục phạm tội. Hội đồng xét xử đánh giá vấn đề này khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét tình tiết này khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản trong vụ án

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng (gold), số IMEI 353103103593310, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chị Nguyễn Thị Sao M quản lý.

- Đối với số tiền 3.400.000 đồng (*ba triệu bốn trăm nghìn đồng*). Đây là số tiền bị cáo T bán điện thoại di động trộm cắp mà có được, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 3.400.000 đồng cho anh H nhận.

- Đối với 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 92B1-240.27, nhãn hiệu LIFAN, màu nâu; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang biển kiểm soát 92B1-240.27 mang tên Nguyễn Tấn T và 01 (một) chìa khóa xe. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn N, Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản trên cho anh N nhận quản lý, sử dụng.

- Đối với số tài sản gồm 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn T; Tiền mặt: 257.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng); 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh, hiệu ASIA; (một) mũ vải, có các màu đen-xanh-trắng; 01 (một) khẩu trang vải kiểu caro, màu xanh; 01 (một) áo khoác nam dài tay, màu đen; 01 (một) áo khoác sơ mi nam dài tay, màu xanh; 01 (một) quần tây nam, màu đen; 01 (một) đôi dép nam, màu đen; 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO A5s, màu đen. Đây là số tài sản cá nhân của bị can Nguyễn Văn T, không liên quan đến hành vi trộm cắp của bị can đã thực hiện. Cơ quan điều tra đã trả cho bị can T nhận.

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra là có căn cứ, đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[5] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình xét xử bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, ý kiến nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[8] Đối với anh Nguyễn Phú H, đã có hành vi mua điện thoại di động của bị cáo, anh H không biết đây là tài sản trộm cắp và đối với anh Nguyễn Văn N, việc bị can T sử dụng xe mô tô của anh Nam làm phương tiện đi lại để trộm cắp, anh N hoàn toàn không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2020.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tư Nghĩa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Hòa

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Sơn

Huỳnh Cao Trung

Trương Thanh Hòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tư Nghĩa;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Ấn văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**